

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 01 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 13, TẠI ĐẢNG BỘ TPTN**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Đào Thị Kim Anh	1	01	7.5	Bảy rưỡi	
2	Lê Thị Chanh	2	73	8.0	Tám	
3	Nguyễn Thành Chung	3	72	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Thùy Dung	4	71	7.5	Bảy rưỡi	
5	Vũ Thị Thùy Dương	5	70	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thị Duyên	6	69	7.5	Bảy rưỡi	
7	Vũ Đình Đề	7	14	7.0	Bảy	
8	Hoàng Văn Điệp	8	68	7.5	Bảy rưỡi	
9	Đỗ Minh Đức	9	67	7.5	Bảy rưỡi	
10	Nguyễn Minh Đức	10	66	7.5	Bảy rưỡi	
11	Lê Thị Giang	11	26	7.5	Bảy rưỡi	
12	Trần Thị Hương Giang	12	28	8.0	Tám	
13	Nguyễn Thị Hải Hà	13	06	7.0	Bảy	
14	Lương Thị Thu Hà	14	08	7.0	Bảy	
15	Hà Văn Hải	15	65	8.0	Tám	
16	Ngô Thị Hạnh	16	10	7.5	Bảy rưỡi	
17	Hà Thị Hằng	17	13	8.0	Tám	
18	Phạm Thị Thu Hằng	18	64	8.0	Tám	
19	Vũ Thị Thu Hằng	19	22	7.5	Bảy rưỡi	
20	Trần Thị Hảo	20	20	8.0	Tám	
21	Lê Thị Thúy Hiền	21	63	7.5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Thanh Hiền	22	23	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	23	24	8.0	Tám	
24	Nguyễn Minh Huệ	24	62	7.0	Bảy	
25	Nguyễn Anh Hùng	25	27	7.0	Bảy	
26	Hoàng Thị Hưng	26	18	7.5	Bảy rưỡi	
27	Trịnh Thị Thu Hương	27	07	7.5	Bảy rưỡi	
28	Trần Thị Hương	28	61	7.5	Bảy rưỡi	
29	Phùng Thị Huyền	29	60	7.0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30	15	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thanh Huyền	31	59	7.5	Bảy rưỡi	
32	Hà Quang Khánh	32	58	7.0	Bảy	
33	Vũ Chí Kiên	33	11	7.0	Bảy	
34	Đoàn Thị Nhật Linh	34	57	7.0	Bảy	
35	Trần Thị Diệu Linh	35	09	7.0	Bảy	
36	Trần Thị Tuyết Loan	36	74	7.5	Bảy rưỡi	
37	Phùng Thị Thanh Loan	37	04	8.0	Tám	
38	Đỗ Thị Hồng Nga	38	56	7.0	Bảy	
39	Nguyễn Thị Thúy Nga	39	55	7.5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Thị Bích Ngọc	40	54	7.0	Bảy	
41	Phạm Chí Nguyên	41	19	7.5	Bảy rưỡi	
42	Đinh Thị Nhài	42	17	7.5	Bảy rưỡi	
43	Cà Nguyễn Linh Phương	43	12	7.5	Bảy rưỡi	
44	Vũ Thị Thanh Phương	44	53	7.0	Bảy	
45	Vũ Thị Minh Quý	45	52	7.5	Bảy rưỡi	
46	Lương Ngọc Quỳnh	46	51	8.0	Tám	
47	Nguyễn Huyền Sâm	47	50	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Hồng Thái	48	05	7.0	Bảy	
49	Nông Thị Hồng Thắm	49	49	7.5	Bảy rưỡi	
50	Trịnh Đức Thắng	50	48	7.5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Hoài Thanh	51	21	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Vũ Quyết Thanh	52	47	7.0	Bảy	
53	Nguyễn Thị Thảo	53	46	7.0	Bảy	
54	Trịnh Đức Thảo	54	45	8.0	Tám	
55	Ngô Thị Phương Thảo	55	44	7.5	Bảy rưỡi	
56	Vũ Thị Thơm	56	43	7.0	Bảy	
57	Ngô Thị Thu Thuận	57	42	8.0	Tám	
58	Nguyễn Trung Thường	58	25	8.0	Tám	
59	Nguyễn Hồng Thúy	59	41	7.5	Bảy rưỡi	
60	Lương Thị Thanh Thúy	60	40	7.5	Bảy rưỡi	
61	Dương Thị Thu Thủy	61	03	7.5	Bảy rưỡi	
62	Lê Thị Thủy	62	39	7.5	Bảy rưỡi	
63	Bùi Thị Thủy	63	38	7.0	Bảy	
64	Trần Mạnh Thủy	64	37	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Văn Trọng	65	02	8.0	Tám	
66	Nguyễn Xuân Trường	66	36	7.0	Bảy	
67	Hoàng Anh Tuấn	67	35	7.0	Bảy	
68	Phạm Quang Tùng	68	34	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Thị Tuyết	69	33	8.0	Tám	
70	Nguyễn Tiến Việt	70	32	7.5	Bảy rưỡi	
71	Nguyễn Hương Xoan	71	31	7.5	Bảy rưỡi	
72	Trần Thị Hải Yến	72	30	7.0	Bảy	
73	Nguyễn Thị Thái	73	16	7.0	Bảy	Phần 1.1, K41TT
74	Hoàng Thị Phương Ngân	74	29	7.5	Bảy rưỡi	Phần 1.1, K9 Đồng Hỷ
75	Bùi Thị Khánh Ny	75	-	-	Vắng thi	Phần 1.1, K9 Đồng Hỷ

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên